

## **THỂ CHẾ THÁI THƯỢNG HOÀNG TRONG LỊCH SỬ NHẬT BẢN VÀ VIỆT NAM**

**BÙI BÍCH VÂN\***

**M**ỗi quốc gia, mỗi dân tộc có lịch sử của riêng mình, song trong tiến trình lịch sử đó, Nhật Bản và Việt Nam đều đã từng trải qua một hình thái kinh tế - xã hội với phương thức sản xuất phong kiến. Đương nhiên, quá trình hình thành, tồn tại, phát triển và diệt vong của chế độ phong kiến ở mỗi nước khác nhau nhưng không vì thế mà không có những điểm tương đồng giữa hai nước trong cả quá trình này. Quả vậy, nếu tìm hiểu chi tiết có thể thấy được điều đó qua từng lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội giữa hai quốc gia, đầu rằng để thực hiện được công việc đó là không đơn giản. Chính vì lẽ đó, trong bài viết này chúng tôi chỉ đề cập đến một nét tương đồng trong thể chế chính trị của chế độ phong kiến ở Nhật Bản và Việt Nam, đó là thể chế Thái Thượng hoàng trong lịch sử của hai nước<sup>(1)</sup>.

### **I. SỰ RA ĐỜI CỦA THỂ CHẾ THÁI THƯỢNG HOÀNG**

#### **1. Ở Nhật Bản**

Từ cuối thế kỷ IX đến đầu thế kỷ XI, một trong những đặc điểm nổi bật trong hệ thống chính quyền nhà nước ở Nhật Bản là sự hình thành và phát triển mạnh mẽ của chế độ Nhiếp chính. Vai trò chức năng của các Nhiếp chính là giúp các Thiên hoàng trị vì đất nước trong phần

thịnh, hoà bình. Song trên thực tế họ đã vượt ra khỏi phạm sự của chức năng này. Không quá khi nhận định rằng, quyền lực của các cơ quan Nhiếp chính không kém gì Thiên hoàng và nhiều khi đóng vai trò đại diện, phát ngôn trực tiếp cho người đứng đầu vương triều. Bản thân dòng họ của các Nhiếp chính thường tạo ra hệ thống liên kết từ trung ương đến địa phương và không ít người trong số đó lạm dụng đến độ trở thành người thay mặt Thiên hoàng trị nước. Lịch sử cho thấy không hiếm quan Nhiếp chính trở thành độc tài, nắm toàn bộ quyền lực của đất nước vào tay mình. Do đó, quyền lực và vai trò của Nhiếp chính trong thực tế có tính quyết định cao hơn Thiên hoàng. Thực tế là dưới chế độ Nhiếp chính, quyền lực của Thiên hoàng không còn gì hơn là ở trong các nghi lễ phức tạp của triều đình. Các quan Nhiếp chính sẽ đạt được cấp bậc hay danh vị nếu họ muốn, bởi ý họ là ý của Thiên hoàng. Và lại, nếu nhân danh cá nhân mà không làm được điều gì thì họ sẽ nhân danh Thiên hoàng để thực hiện điều đó. Sở dĩ các Nhiếp chính vượt quá chức năng của mình cũng bởi sự giảm sút về quyền lực của các Thiên hoàng bắt đầu xuất hiện từ nửa sau thế kỷ IX. Chính vì vậy, những chỉ dụ, sắc lệnh của Thiên Hoàng sẽ bị "vô hiệu hoá" nếu đụng đến quyền lợi của dòng họ quan Nhiếp chính. Bên cạnh đó, sức mạnh và sự liên kết của dòng họ Nhiếp chính vốn có ý thức về quyền cha truyền con nối, đã ảnh hưởng rất lớn đến Thiên hoàng. Vậy nên, quyền chuyên chính của

---

\* Nghiên cứu viên, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á

<sup>(1)</sup> Thể chế Thái Thượng hoàng ra đời ở Nhật Bản sớm hơn ở Việt Nam nên cách dùng trước, sau của cụm từ "Nhật Bản và Việt Nam" chỉ đơn thuần phục vụ cho nội dung, ý nghĩa của bài viết này.

một Thiên hoàng có thể bị sụp đổ vì tâm lý tự ti mà không phải do khủng hoảng về ngân sách hay không có lực lượng quân sự mạnh để bảo vệ ngai vàng. Mặt khác, trong bộ máy chính quyền phong kiến Nhật Bản thì Bộ Lễ và Bộ Lại là quan trọng nhất, song với quyền lực của các Nhiếp chính cho thấy vai trò của các bộ bị hạn chế nhiều. Qua đó, Phủ Nhiếp chính không chỉ trực tiếp chỉ đạo công việc với các địa phương mà còn như một cơ quan trùm lên các bộ và giải quyết cả công việc thuộc chức năng của các bộ. Hơn thế nữa, các Nhiếp chính còn coi việc bổ nhiệm Nhiếp chính và người kế vị Thiên hoàng là công việc của dòng họ (bất chấp lệnh của Thiên hoàng).

Đứng trước tình trạng như thế, các dòng họ quý tộc đối lập với quan Nhiếp chính đã đồng tâm ủng hộ Thiên hoàng nhằm hạn chế vai trò của họ, song không phải khi nào cũng thành công. Cho đến nửa đầu thế kỷ XI, thế lực của các Nhiếp chính vẫn còn rất mạnh nên các Thiên hoàng vẫn còn phải chịu sự ảnh hưởng của họ. Tuy nhiên, đây là thời kỳ đầy biến động với rất nhiều thế lực đối lập tìm cách lật đổ các Nhiếp chính nhưng chưa đủ sức mạnh để thực hiện điều đó. Phải đợi đến khi Thiên hoàng Go-Sanjo (1034-1073) lên trị vì (1068 - 1072) mới thực sự thúc đẩy nhanh hơn quá trình suy yếu của chế độ Nhiếp chính. Sự chống đối của Phủ Nhiếp chính thực sự gây khó khăn cho ông trong việc điều hành đất nước, đồng thời đẩy mâu thuẫn giữa ông với Nhiếp chính ngày càng trở nên gay gắt. Mặc dù vậy, Thiên hoàng Go-Sanjo dần tìm lại được quyền lực của mình nhờ vào sự ủng hộ của những cận thần trung thành, các lực lượng chống đối Nhiếp chính. Các lực lượng hậu thuẫn này quyết tâm giành lại quyền lực thực sự cho Thiên hoàng trong vai trò trị nước đồng thời giảm dần sự lấn át nhiều mặt của Nhiếp chính. Sự kết hợp của nhiều biện pháp đã làm cho quyền lực, vai trò của các Nhiếp chính từ thế kỷ XI lu mờ dần. Kết quả,

dòng họ các Nhiếp chính từng bước mất vị trí độc tôn trong giới quý tộc ở triều đình. Trong bối cảnh đó, một thể chế chính trị mới ra đời nhằm giúp Thiên hoàng đương quyền điều hành việc trị nước, đó là thể chế Thái Thượng hoàng. Thể chế này có từ năm 1072 dưới đời Thiên hoàng Go - Sanjo (1034-1073) song thực ra thể chế này bắt đầu thực hiện từ năm 1086 khi Thiên hoàng Shirikawa (1053-1129) thoái vị để làm Thái Thượng hoàng.

## 2. Ở Việt Nam

Cuối triều Lý (1010-1225), chính quyền trung ương ngày càng suy yếu, nhân cơ hội đó nhiều thế lực phong kiến địa phương trỗi dậy. Trong bối cảnh như vậy, thế lực họ Trần ngày càng phát triển lớn mạnh và trở thành lực lượng lớn nhất không chỉ trấn áp được các phe phái phong kiến khác mà còn khống chế được cả triều Lý đang ở vào thời kỳ, suy tàn. Vua Lý Huệ Tông (1211-1225) về cuối đời mắc trọng bệnh, không quan tâm đến triều chính lại không có con trai nối nghiệp, chỉ có hai con gái với hoàng hậu Trần Thị Dung. Quá buồn phiền, năm 1225, Lý Huệ Tông phải nhường ngôi cho con gái thứ Chiêu Thánh rồi đi tu ở chùa Chân Giáo. Nhà vua mới lên ngôi (tức Lý Chiêu Hoàng) mới 7 tuổi nên quyền hành thực tế thuộc về họ Trần, là Trần Thủ Độ. Họ Trần mà thực tế là Trần Thủ Độ đã tìm cách sắp đặt cho Chiêu Hoàng lấy Trần Cảnh (con thứ của Trần Thừa và là cháu họ của Trần Thủ Độ) khi đó mới 8 tuổi, để rồi ít lâu sau, Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho Trần Cảnh mở đầu triều đại nhà Trần (1225 - 1400).

Trên nền tảng vững chắc đã có sẵn từ thời Lý, nước Đại Việt dưới sự quản lý của vương triều Trần đã tiếp tục công việc xây dựng và phát triển đất nước trên mọi lĩnh vực trong khu vực ở thế kỷ XIII. Trong quá trình xây dựng bộ máy quản lý nhà nước, tất cả các chức vị quan trọng đều do tôn thất họ Trần nắm giữ. Trong

chế độ phong kiến nói chung, nhà Trần nói riêng thì hoàng tộc luôn là hậu thuẫn chính trị vững chắc của vương triều. Vì lẽ đó, thứ bậc trong tầng lớp quý tộc cũng được quy định chặt chẽ, chẳng hạn như vua Trần không chỉ đứng đầu nhà nước của quý tộc Trần mà còn rất có ý thức về quyền lợi tập đoàn quý tộc mà mình đại diện. Như thế, quyền lợi của nhà vua gắn liền với quyền lợi của dòng họ tức cũng là quyền lợi của đất nước. Theo quy chế, những vương hầu, tôn thất nhà Trần đều được trọng đãi, trọng dụng, được phong thái ấp và có phủ đệ riêng. Hơn nữa, nhà Trần còn khuyến khích hôn nhân nội tộc nhằm bảo đảm tính "thuần nhất" của dòng họ, ngăn ngừa sự lấn quyền của ngoại tộc. Qua đó, củng cố sự vững chắc của vương triều cùng với ngôi vua được vững bền mãi mãi.

Trên hết thảy, để bảo đảm vững chắc vị trí và quyền lực của nhà vua, khả năng nắm chính quyền nhà nước, tránh việc tranh giành ngôi vua trong nội bộ hoàng tộc; muốn cho vị vua mới, trẻ làm quen với công việc điều hành triều chính; hạn chế sự bông bột, độc đoán, tha hoá của vua đương quyền; bảo vệ ngai vàng của dòng họ Trần được ổn định vững chắc, nhà Trần đã áp dụng thể chế Thái Thượng hoàng. Thật ra, chức danh Thái Thượng hoàng xuất hiện lần đầu tiên với vua Lý Huệ Tông (làm vua từ 1211 - 1225) sau khi nhường ngôi cho Lý Chiêu Thánh, song đó chỉ là một hiện tượng chính trị "ngẫu nhiên" mà chưa phải là một thể chế ổn định. Hơn nữa ngôi Thái Thượng hoàng của Lý Huệ Tông cũng tồn tại rất ngắn khi bị nhà Trần truất bỏ vào tháng 2-1226. Đến thời Trần, vị vua đầu tiên là Trần Thái Tông (1225-1258) đã tôn cha là Trần Thừa làm Thái Thượng hoàng song ngôi vị này có thực hay chỉ là hình thức thì còn là câu hỏi của lịch sử chưa có lời giải đáp. Bởi lẽ vấn đề này liên quan đến vị vua đầu tiên của triều Trần mà theo chính sử thì Trần Cảnh (tức Trần Thái Tông) là vua đầu tiên của nhà Trần.

Mặt khác theo thông lệ của thể chế Thái Thượng hoàng là vua truyền ngôi cho con để lên làm Thái Thượng hoàng. Như vậy, trong khi chưa có câu trả lời thoả đáng thì có thể nhận định rằng thể chế Thái Thượng hoàng hình thành trong lịch sử Việt Nam từ thời nhà Trần với vua Trần Thái Tông. Sau khi làm vua 32 năm, Trần Thái Tông truyền ngôi cho con để lui về làm Thái Thượng hoàng. Những vị vua tiếp theo đều theo lệ ấy, sau một thời gian ở ngôi vua cũng tự nguyện truyền ngôi cho con, còn mình lui về Túc Mặc (Phủ Thiên Trường - Nam Định) giữ vai trò Thái Thượng hoàng.

## II. QUÁ TRÌNH TỒN TẠI VÀ SUY VONG

### 1. Vai trò, chức năng của Thái Thượng hoàng

Thể chế Thái Thượng Hoàng ở Nhật Bản và Việt Nam tuy ra đời trong bối cảnh lịch sử và thời gian khác nhau song không phải vì thế mà không có những điểm chung về vai trò, chức năng của các Thái Thượng hoàng. Cho dù đã thoái vị nhưng Thái Thượng hoàng có vai trò, chức năng chính yếu nhất là giúp nhà vua đương quyền điều hành công việc của đất nước. Với vai trò "cố vấn" như vậy tưởng như các Thái Thượng hoàng hầu như không còn liên quan gì nhiều đến triều chính và chính sự nhưng trên thực tế không hẳn như vậy. Về hình thức, các Thái Thượng hoàng không ở trong cung vua mà thường lui về một trang viên, thái ấp hay nơi nào đó tách biệt với kinh đô. Điều đó không có nghĩa vai trò của Thái Thượng hoàng mờ nhạt mà trái lại quyền hành của họ là rất lớn. Cũng không khó lý giải về điều này bởi hầu hết các Thái Thượng hoàng thoái vị khi nhà vua đương quyền còn ít tuổi. Bởi vậy, ở Nhật Bản các Thái Thượng hoàng trên thực tế vẫn tiếp tục điều hành công việc của đất nước bởi họ là người có quyền chỉ định người con kế vị và ảnh hưởng quyết định tới việc phế truất ngôi Thiên hoàng. Tương tự như vậy, các Thái Thượng hoàng ở Việt

Nam cũng có quyền chỉ định và phế truất ngôi vua, đồng thời vẫn can thiệp công việc triều chính khi cần thiết. Sử cũ đã ghi lại trường hợp Vua Anh Tông (1293-1314) chỉ vì say rượu, không biết Thái Thượng hoàng Nhân Tông (1279-1293) lên kinh sư khiến Thái Thượng hoàng giận bỏ về Tức Mặc. Quá lo sợ, vua Anh Tông phải viết bài biểu "Trần tình tạ tội" trước Thái Thượng hoàng Nhân Tông. Nhận bài biểu, sau đó Thái Thượng hoàng Nhân Tông còn nói: "Trẫm còn có con khác cũng có thể nối ngôi được. Trẫm còn sống mà người còn như thế, huống chi sau này" <sup>(2)</sup>. Như thế để thấy rằng, vua tuy đương quyền song Thái Thượng hoàng là người có uy quyền tối cao trong hầu hết các công việc chính yếu của quốc gia. Bàn về thể chế Thái Thượng hoàng, sử gia Ngô Sĩ Liên nhận xét: "Từ sau khi Hạ Vũ truyền ngôi cho con, cha chết con nối, anh chết em nối, thành phép thường mãi mãi. Gia pháp của nhà Trần lại khác thế, con đã lớn thì cho nối ngôi chính, cha lui ở cung Thánh từ, xưng là Thượng hoàng, cùng trông coi chính sự. Thực ra truyền ngôi để yên việc sau, phòng khi thắng thốt mà thôi, chứ mọi việc đều do Thượng hoàng quyết định cả. Vua nối không khác gì Hoàng Thái tử cả" <sup>(3)</sup>. Đương nhiên, để giữ được vai trò, chức năng quan trọng như vậy, các Thái Thượng hoàng không ngừng củng cố uy tín cá nhân cũng như tập hợp một lực lượng xung quanh mình. Và lại, với quyền uy như thế thì một việc giành được sự ủng hộ của nhiều tầng lớp cũng không quá khó khăn với các Thái Thượng hoàng.

Tuy nhiên, xu hướng "phù thịnh không phù suy" lại thường hiện hữu phổ biến theo chiều hướng quyền lực "lên, xuống" của các Thái Thượng hoàng trong lịch sử. Một khi không có sự hậu thuẫn thì vai trò, chức năng của Thái Thượng hoàng suy giảm cũng là lẽ đương nhiên. Vấn đề đặt ra là với vai trò, chức năng của mình, các Thái Thượng hoàng đã sử dụng điều đó ra sao trong sự vận hành của chính quyền nhà nước hay ở mức độ lớn hơn là với quốc gia, dân tộc mình. Không thể phủ nhận về sự tham gia của các Thái Thượng hoàng với triều chính đã liên quan trực tiếp tới các lĩnh vực như kinh tế, chính trị, xã hội, quân sự, ngoại giao... của đất nước. Lẽ đương nhiên, ảnh hưởng của thể chế Thái Thượng hoàng tới mức độ nào đối với đất nước và dòng họ (nhà Trần ở Việt Nam, dòng họ Thiên hoàng ở Nhật Bản) còn phụ thuộc vào vị trí, vai trò của Thái Thượng hoàng trong những thời điểm lịch sử cụ thể của mỗi quốc gia.

## 2. Những điểm tương đồng và khác biệt.

Như trên đã đề cập, thể chế Thái Thượng hoàng ở Nhật Bản và Việt Nam cùng hình thành dưới chế độ phong kiến và tuy trong hoàn cảnh lịch sử khác nhau nhưng các Thái Thượng hoàng đều có vai trò, chức năng cùng quyền lực rất lớn. Sau khi thoái vị, các Thái Thượng hoàng thường chọn phương cách lui về ẩn ở một nơi cách xa kinh đô và gắn với hoạt động tôn giáo chủ yếu là đạo Phật. Điều đó không hề ngăn cản việc tham gia triều chính và thể hiện quyền lực của Thái Thượng hoàng khi cần thiết. Qua đó cho thấy vị trí của các ông vua đương quyền nhiều khi chỉ là "hữu danh vô thực" bởi quyết định cuối cùng lại nằm trong tay của các Thái Thượng hoàng. Vấn đề này còn bao hàm ý nghĩa, quyền lực Thái Thượng hoàng không chỉ thể hiện qua các quyết sách mà còn ở lực lượng hậu thuẫn hùng hậu và giàu có nữa (qua việc sở hữu

<sup>(2)</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập III bản dịch Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993, trích theo "Nguyễn Danh Phiệt (chủ biên), Lịch sử Việt Nam thế kỷ X - đầu thế kỷ XV", NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr 225.

<sup>(3)</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, trích theo "Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam", Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2003, trang 108.

nhiều thái ấp, của cải). Ở Nhật Bản cho thấy "tài sản bổng lộc của Thái Thượng hoàng nói chung là rất lớn, có khi bằng số thuế thu của cả một tỉnh"<sup>(4)</sup> Nhìn chung, với chức năng và quyền lực như vậy, mục đích của các Thái Thượng hoàng không gì khác hơn là củng cố vị thế của dòng họ trong việc trị nước, tức cũng đồng thời củng cố vương triều, chính quyền nhà nước. Do đó, quyền lợi của dòng tộc luôn được gắn liền với quyền lợi và sự vững mạnh của quốc gia phong kiến đương thời.

Một điểm chung nữa trong thế chế Thái Thượng hoàng ở Nhật Bản và Việt Nam là người được chọn nối ngôi vua trước hết phải dựa trên cơ sở huyết thống với Thái Thượng hoàng. Thông thường hàng con trưởng vẫn là sự lựa chọn ưu tiên hàng đầu song không nhất thiết cứ phải là như vậy. Do đó, Thái Thượng hoàng có thể lựa chọn bất kỳ ai trong hoàng tộc để nối ngôi mình. Chẳng hạn, Trần Nghệ Tông (1370 - 1372) chỉ ở ngôi có 2 năm rồi nhường ngôi cho em là Cung Tuyên Vương Kính (sau là Vua Trần Duệ Tông (1372- 1377)), lên làm Thái Thượng hoàng. Hay ở Nhật Bản người con trai thứ ba của Thái Thượng hoàng được lên làm Thiên hoàng với vương hiệu là Go - Horikawa vào cuối năm 1221.

Ngoài những điểm tương đồng trên, hoàn cảnh lịch sử đã dẫn tới những khác biệt trong thế chế Thái Thượng hoàng ở Nhật Bản và Việt Nam. Trước hết, bối cảnh ra đời của thế chế Thái Thượng Hoàng ở Nhật Bản và Việt Nam là rất khác nhau. Thế chế này ra đời ở Nhật Bản là nhằm loại bỏ ảnh hưởng của chế độ Nhiếp chính (chủ yếu của dòng họ Fujiwara, sau này là dòng họ Hojo) giành lại quyền lực thực sự cho Thiên Hoàng trong vai trò trị nước. Và như thế, sự hình thành thế chế Thái Thượng hoàng cũng đồng thời làm suy yếu chế độ Nhiếp

chính đã từng tồn tại từ thế kỷ IX đến thế kỷ XI.

Trái lại, thế chế Thái Thượng hoàng ở Việt Nam hình thành trên cơ sở của một vương triều mới (triều Trần) vừa thay thế cho vương triều đã suy tàn (triều Lý), qua đó để củng cố vương triều và chế độ trung ương tập quyền. Như thế, quyền lợi của Thái Thượng hoàng của nhà vua gắn liền với quyền lợi của dòng họ, đồng thời cũng là quyền lợi của đất nước.

Để nhận biết rõ hơn những sự khác biệt của thế Thái Thượng hoàng, thiết nghĩ cũng cần phải nhấn mạnh nền tảng cơ bản về xã hội của chế độ phong kiến đương thời ở Việt Nam và Nhật Bản. Xã hội Việt Nam dưới triều Trần về cơ bản là ổn định và phát triển khá toàn diện từ khi thành lập đến cuối thế kỷ XIV. Đó là nhà nước quân chủ quý tộc kế thừa từ triều Lý và phát triển mạnh mẽ dưới triều Trần. Nhà nước Đại Việt thực hiện đường lối chính trị "thân dân" nhằm thu phục lòng dân, củng cố chế độ trung ương tập quyền, củng cố vương triều, bảo đảm khối đoàn kết toàn dân trong các cuộc chiến tranh giữ nước. Chính sách thân dân được đúc kết rõ nhất trong câu nói nổi tiếng của Trần Hưng Đạo dặn vua Trần dưới khi ông mất: "Khoan thư sức dân để làm kế bền gốc, sâu rễ, đó là thượng sách giữ nước"<sup>(5)</sup>. Chính sự coi trọng "ý dân" của triều Trần đã điều chỉnh mối quan hệ giữa nhà nước phong kiến quý tộc quân chủ với nhân dân, hoà hoãn mâu thuẫn giai cấp tạo sức mạnh tổng hợp để chống ngoại xâm và phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá, quân sự, ngoại giao...

Ngoài ra, tổ chức chống ngoại xâm là một chức năng cơ bản hàng đầu của nhà nước Đại Việt, nên sự ổn định, phát triển của xã hội là vô cùng quan trọng và cần thiết. Trên nền tảng đó, thế chế Thái Thượng Hoàng hình thành, tồn tại không những không ảnh hưởng đến bộ máy chính quyền nhà nước, mà còn góp phần

<sup>(4)</sup> George Sansom, *Lịch sử Nhật Bản*, tập I, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994, trang 582.

<sup>(5)</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, trang 180.

tạo nên sức mạnh ở phần lớn thời gian tồn tại của vương triều Trần. Điều đó được thể hiện ở sự kế tiếp hoàn hảo của các Thái Thượng hoàng qua các đời vua (từ đời Vua Trần Thánh Tông (1225 - 1258) đến đời Vua Trần Nghệ Tông (1370 - 1372) tương ứng với thời kỳ tồn tại thịnh trị của vương triều Trần.

Khác với nhà nước Đại Việt, thể chế Thái Thượng hoàng ở Nhật Bản ra đời trên nền của một xã hội phong kiến có rất nhiều biến động. Đó là các cuộc nội chiến, cát cứ tranh giành quyền lực giữa các dòng họ lớn dẫn tới sự ra đời của tầng lớp võ sĩ (Samurai) và lãnh chúa phong kiến. Cho đến trước khi thể chế Thái Thượng hoàng ra đời, trong bộ máy chính quyền nhà nước, Thiên hoàng đứng đầu nhưng không nắm thực quyền bởi quyền lực thực sự lại nằm trong tay các Nhiếp chính. Đã vậy, sự ra đời của chế độ Mạc Phủ (Bakufu) năm 1192 với người đứng đầu là Tướng quân (Shogun) đã mở đầu cho việc thiết lập chính quyền quân sự của tầng lớp Samurai ở Nhật Bản. Qua đó, chính thức xác nhận sự tồn tại song song của chính quyền Mạc Phủ với chính quyền Thiên hoàng nhưng thực tế quyền lực thực tế đều tập trung trong tay chính quyền quân sự, Thiên hoàng chỉ làm vì mặt thôi. Từ thế kỷ XI- XIV, tức tương ứng với thời kỳ ra đời, tồn tại và suy tàn của thể chế Thái Thượng hoàng, nhìn chung xã hội phong kiến ở Nhật Bản không ổn định bởi nội chiến, cát cứ và sự đe dọa xâm lược của quân Mông-Nguyên ở thế kỷ XIII.

Trên nền của xã hội phong kiến như vậy, thể chế Thái Thượng hoàng ở Nhật Bản tồn tại theo hướng khác với ở Việt Nam. Nếu thể chế này ở Việt Nam diễn ra theo một trình tự vua nhường ngôi rồi làm Thái Thượng hoàng của một ông vua đương quyền, tiếp đó vua đương quyền nhường ngôi là Thái Thượng Hoàng cho vị vua sau đó và cứ tiếp tục như vậy. Chẳng hạn, Trần Thánh Tông làm vua 32 năm, nhường ngôi cho con làm Thái Th-

ượng hoàng 19 năm; Trần Thánh Tông (1258 - 1278) làm vua 20 năm, Thái Thượng hoàng 13 năm; Trần Nhân Tông (1279 - 1293) làm vua 14 năm, Thái Thượng hoàng 6 năm v.v...

Trái lại, thể chế Thái Thượng hoàng ở Nhật Bản không theo một trình tự ổn định như ở Việt Nam. Nghĩa là, một vị Thiên hoàng sau khi nhường ngôi làm Thái Thượng hoàng không phải chỉ có một đời Thiên hoàng mà là nhiều đời. Ví dụ trường hợp, Thiên hoàng Shirikawa (1053 - 1129) sau khi nhường ngôi, làm Thái Thượng Hoàng cho 3 đời Thiên Hoàng (Horikawa, Toba, Sutoku); Go - Shirakawa (1127 - 1192) làm Thái Thượng hoàng cho 5 đời Thiên hoàng (Nijo, Rokujo, Takakura, Antoku, Go-Toba). Như thế hầu như không có Thái Thượng hoàng cho một đời vua, thậm chí có thời điểm bị gián đoạn không có Thái Thượng hoàng như trường hợp Thiên hoàng Go - Saga thoái vị năm 1246 không làm Thái Thượng hoàng, người kế vị là Thiên Hoàng Go - Fukakusa, đến năm 1259 thoái vị cũng không làm Thái Thượng hoàng...

Những trình bày trên đã phản ánh khá rõ thực trạng xã hội phong kiến ở Nhật Bản và Việt Nam về sự ổn định và phân tán thông qua thể chế Thái Thượng hoàng. Thực tế là, nếu như quyền lực to lớn của Thái Thượng hoàng được thể hiện rõ trong bộ máy chính quyền nhà nước Đại Việt thì ở Nhật Bản chỉ duy trì sự ổn định và phát huy hiệu lực trong một vài thập kỷ mà thôi. Bởi lẽ, sau một thời kỳ suy yếu, chế độ Nhiếp chính lại phục hồi với dòng họ Hojo. Hơn nữa, chế độ Nhiếp chính trên danh nghĩa là đại diện cho Tướng quân song nắm nhiều quyền lực ở Mạc Phủ Kamakura (chính quyền quân sự của Tướng quân tồn tại từ 1191 - 1333), còn lại Thái Thượng hoàng ở Kyoto đại diện cho triều đình, song quyền lực thực tế cũng giảm sút nhiều.

Điểm cần lưu ý là ở thế kỷ XIII, Việt Nam (nhà nước Đại Việt bấy giờ) và Nhật

Bản đầu phải trải qua các cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên xâm lược. Với Việt Nam, qua ba lần kháng chiến chống Mông - Nguyên (các năm 1258, 1285, 1288) còn với Nhật Bản, với hai lần năm 1274 và 1281, hết thầy đều giành thắng lợi song vai trò của các Thái Thượng hoàng lại hoàn toàn khác nhau. Nếu như thể chế Thái Thượng hoàng ở Việt Nam cho phép Thái Thượng hoàng có vị trí và vai trò vô cùng quan trọng trong các cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên, tiêu biểu như Thái Thượng hoàng Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông được sử sách ca ngợi là những vị anh hùng cứu nước. Ngược lại, thể chế Thái Thượng hoàng ở Nhật Bản không thể phát huy được vai trò, quyền lực của các Thái Thượng hoàng bởi sự chi phối mạnh mẽ, quyết liệt của các thế lực chính trị khác như chế độ Nhiếp chính, chính quyền Mạc Phủ của Tướng quân, ngoài ra không thể không tính đến bối cảnh xã hội luôn biến động bởi nội chiến, cát cứ liên miên... Tất cả điều đó đã cản trở rất lớn đến sự vận hành của thể chế Thái Thượng hoàng theo chiều hướng tích cực. Qua đó, vai trò quyền lực của Thái Thượng hoàng ngày càng mờ nhạt đến mức không đảm trách nổi trọng trách quốc gia. Điều này quá rõ qua các cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên cho thấy vai trò của thể chế Thái Thượng hoàng phải nhường chỗ cho vị thế lớn mạnh của chính quyền quân sự Mạc Phủ. Quả vậy, trước những thử thách khắc nghiệt của cả cuộc kháng chiến chống quân xâm lược, triều đình nói chung, các Thái Thượng hoàng nói riêng đều thể hiện rõ sự nhu nhược và bất lực không đảm nhiệm nổi sứ mệnh cứu nước. Như vậy, chỉ qua các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm sẽ thấy rõ hình ảnh tương phản về hệ thống chính quyền nhà nước phong kiến nói chung, thể chế Thái Thượng hoàng nói riêng ở Việt Nam và Nhật Bản đương thời.

### **3. Sự suy tàn.**

Thể chế Thái Thượng hoàng ở Nhật Bản và Việt Nam sau thời gian tồn tại cũng dần bước vào con đường suy vong tất yếu của lịch sử. Tuy nhiên, sự tồn tại của thể chế này ở Nhật Bản (thế kỷ XI - nửa đầu thế kỷ XIV), ở Việt Nam (từ thế kỷ XIII - cuối thế kỷ XIV) dù có một số điểm tương đồng song về cơ bản vận hành theo những đường hướng khác nhau do bối cảnh lịch sử của mỗi quốc gia qui định. Ở Nhật Bản, thể chế Thái Thượng hoàng ngoài thời kỳ đầu còn lại hiếm khi thực hiện đúng vai trò, chức năng trước sự lấn át của các thế lực chính trị khác, đặc biệt là quyền lực của chế độ Nhiếp chính tạo ra. Tuy vậy, sau các cuộc kháng chiến chống Mông- Nguyên thắng lợi thì quyền lực của các Nhiếp chính bắt đầu lung lay, họ không còn đủ uy tín để điều hành đất nước như trước nữa. Từ nửa sau thế kỷ XIII, sự đối địch với chế độ Nhiếp chính ngày một tăng, ngay các quan chức chính quyền Mạc Phủ Kamakura cũng có những hành động nhằm giảm uy tín của Phủ Nhiếp chính. Từ cuối thế kỷ XIII, uy tín của các Nhiếp chính đã xuống rất thấp để rồi bước sang thế kỷ XIV, chế độ Nhiếp chính không còn vai trò chỉ đạo. Mặt khác, các Nhiếp chính không còn áp đặt được cho Thái Thượng hoàng và Thiên hoàng thực hiện theo ý muốn của mình như trước nữa. Năm 1331, Thiên Hoàng Go - Daigo được sự ủng hộ của các giai tầng, nổi dậy chống chính quyền Mạc Phủ nói chung và chế độ Nhiếp chính nói riêng. Đến năm 1333, chế độ Nhiếp chính bị tiêu diệt nhường quyền lãnh đạo đất nước cho chính quyền trung ương của Thiên hoàng Go - Daigo. Khác với 5 đời Thiên Hoàng tiền nhiệm của ông, Go-Daigo lên ngôi và không thoái vị để làm Thái Thượng hoàng và như vậy hành động này của ông đã mở ra một hướng mới cho chính quyền nhà nước đồng thời đặt dấu chấm hết cho thể chế Thái Thượng hoàng ở Nhật Bản.

Theo một hướng khác với Nhật Bản, thể chế Thái Thượng hoàng ở Việt Nam

về cơ bản được xem như ra đời, tồn tại, suy tàn cùng với vương triều Trần. Song thật ra, thế chế chính trị này chỉ tồn tại đến đời Thái Thượng hoàng Trần Nghệ Tông mà thôi. Từ đời vua Trần Duệ Tông (1372 - 1377) cho đến đời vua Trần Thiếu Đế (1398 - 1400) không còn thế chế Thái Thượng hoàng. Tuy nhiên, sau thời gian gián đoạn, đến triều Hồ (1400 - 1407), thế chế này lại được Hồ Quý Ly khôi phục lại. Sau khi làm vua 1 năm, Hồ Quý Ly nhường ngôi cho con là Hồ Hán Thương, lên làm Thái Thượng hoàng 6 năm. Đến đây, về cơ bản có thể khẳng định thế chế Thái Thượng hoàng đã chấm dứt cùng với sự diệt vong của triều Hồ. Từ đây, cho đến các thời kỳ lịch sử tiếp theo "tàn dư" của thế chế này chỉ còn thấy duy nhất ở triều Lê Trung Hưng (1533 - 1789), thời Lê Mạt (có 17 đời vua nối tiếp nhau) với đời vua Lê Thần Tông (1619 - 1643) trị vì lần thứ nhất 24 năm rồi làm Thái Thượng hoàng cho đời vua Lê Chân Tông (1643 - 1649).

### III. MỘT VÀI NHẬN XÉT

Thế chế Thái Thượng hoàng ở Nhật Bản và Việt Nam tồn tại như một hình thức cai trị của chính quyền phong kiến ở hai quốc gia đồng thời bao hàm nguyên tắc cha truyền con nối, không chỉ có tính truyền thống mà còn được xã hội chấp nhận. Thật vậy, nguyên tắc này được chi phối bởi hệ thống hoàng tộc là dòng họ Trần ở Việt Nam và dòng họ Thiên hoàng ở Nhật Bản, qua đó nhằm thiết lập sự thống trị tối cao của dòng họ trong bộ máy chính quyền của nhà nước.

Thế chế Thái Thượng hoàng tuy không phải là một hình thức cai trị có tính chất phổ biến trong xã hội phong kiến ở Nhật Bản và Việt Nam, song với sự vận hành của nó cho thấy một phương thức tổ chức quyền lực nhà nước tối cao độc đáo thời bấy giờ. Hơn nữa, qua thế chế chính trị này không chỉ thấy đời sống của giai cấp thống trị mà còn phản ánh khá sâu sắc và toàn diện hình ảnh và diện mạo của xã hội phong kiến ở Việt Nam và Nhật Bản.

Quá trình hình thành, tồn tại của thế chế Thái Thượng hoàng là điểm đáng lưu ý trong lịch sử Nhật Bản và Việt Nam, song sự suy vong của thế chế này là tất yếu trên con đường phát triển của lịch sử. Cùng có những điểm tương đồng song ở Việt Nam thế chế chính trị này phản ánh sự hưng thịnh tồn vong của một vương triều (triều Trần, Hồ), còn ở Nhật Bản thực chất chỉ là sự thay đổi cơ cấu xã hội (thế chế Thái Thượng hoàng thay thế cho chế độ Nhiếp chính). Đương nhiên, sự khác biệt này được quy định bởi lịch sử cụ thể của mỗi quốc gia, dân tộc song dù sao đi nữa, thế chế Thái Thượng hoàng đã trở thành một phần không thể tách rời trong lịch sử chế độ phong kiến Nhật Bản và Việt Nam.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A.B.Pôliacóp, *Sự phục hưng của nước Đại Việt thế kỷ X - XIV*, Nxb Chính trị quốc gia, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam, Hà Nội, 1996
2. George Sansom, *Lịch sử Nhật Bản*, tập I,II, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994
3. Phan Ngọc Liên (chủ biên), *Lịch sử Nhật Bản*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 1995
4. Nguyễn Danh Phiệt (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam thế kỷ X - đầu thế kỷ XV*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002
5. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình lịch sử Nhà nước và Pháp luật Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2003.

\*\*\*\*\*